

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-PT

Ngày 25 - 7 - 2019

“V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn;

Ông Trần Văn Thái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:*** Ông Nguyễn Xuân Sơn- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Phùng Thị S, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 33, ngách 3, đường H, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị S: Chị Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 17, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phùng Thị S: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T;

Địa chỉ: Số 17, đường H, phường Tí, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị M1, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ngõ 33, ngách 4, đường H, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M1: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà 34, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 ;

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983;

Đều có địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 33, ngách 3, đường H, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, anh H, chị H, chị H1, chị M: Chị Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 17, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai;

- Anh Nguyễn Viết C, sinh năm 1985

- Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1982;

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (chị H bị chất độc da cam).

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thanh H1: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ngõ 33, ngách 4, đường H, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, chị M, chị L, chị M, anh C, anh T: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà 34, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Phùng Thị S- nguyên đơn.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Phùng Thị S và người đại diện theo ủy quyền của bà S là chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Gia đình bà Phùng Thị S, ông Nguyễn Văn B sử dụng diện tích đất 705 m² thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 13, tại thị trấn T, huyện Tam Đảo (nay là tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc), năm 1990 hộ ông Nguyễn Văn B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 705 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 951059 ngày 11/8/1990.

Tháng 7/2003 ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng cho bà Trần Thị M1 110 m² đất với giá 20.000.000đ. Khi chuyển nhượng địa chính đến đo đạc, xác định mốc giới và bàn giao đất. Sau đó bà M1 xây dựng 01 nhà cấp bốn, một thời gian sau bà Mai lại xây tiếp 01 gian buồng, 01 gian bếp, 01 nhà vệ sinh ra phía sau, khi xây dựng gia đình bà S không có ý kiến phản đối gì, nhưng không biết gia đình bà M1 lấn chiếm sang đất của gia đình bà. Đến tháng 2/2018 gia đình bà M1 tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng trên đất để xây lại nhà. Khi bà M1 bắt đầu xây dựng, gia đình bà thấy diện tích đất của bà M1 rộng nên đã đo đạc lại thì thấy thừa ra 36m² đất, gia đình bà đã làm đơn đề nghị UBND phường Đ giải quyết tranh chấp đất đai nhưng không thành. Sau khi đo đạc xem xét thẩm định diện tích đất gia đình bà M1 sử dụng có diện tích 162,3m², trong đó có một phần đất hình tam giác nằm sát đường dân sinh có diện tích 11m², bà không đề nghị Tòa án giải quyết đối với 11m² đất này.

Tại phiên tòa bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu gia đình bà M1 phải trả lại cho gia đình bà 41m² đất và yêu cầu gia đình bà M1 phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại nguyên hiện trạng thửa đất.

Bị đơn bà Trần Thị M1 người đại diện theo ủy quyền của bà M1 bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Năm 2003 gia đình bà M1 có nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Văn B 110m² đất tại Tổ dân phố Đ, phường Đ, khi chuyển nhượng địa chính đến tại thửa đất đo đạc xác định mốc giới, vẽ sơ đồ hiện trạng thửa đất, các hộ xung quanh ký xác nhận. Thửa đất bà M1 nhận chuyển nhượng của ông B thấp hơn đường ngõ, không bằng phẳng, có hẻm sâu hình tam giác, gia đình bà S, ông B cho bà M1 phần đất hình tam giác để mở cổng đi ra đường ngõ. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà M1 đã xây dựng 01 nhà cấp 4, xây tường bao loan ngăn cách giữa diện tích đất của bà M1 với ông B. Năm 2007 gia đình bà M1 dỡ bức tường bao loan xây dựng 01 gian buồng, 01 gian bếp và công trình phụ có thuê ông B và anh T (con rể ông B) xây dựng, hai hộ gia đình ở ổn định, không có tranh chấp gì với nhau. Ngày 30/3/2018, gia đình bà M1 tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất để xây lại nhà, khi xây phần móng có mời ông B đến chứng kiến để xác định mốc giới xây trên nền móng cũ của gia đình, ông B không có ý kiến gì. Sau khi gia đình bà M1 xây dựng xong phần móng thì anh H (con trai ông B) tự ý sang nhà bà M1 đo đạc lại diện tích đất của bà M1 thì thấy diện tích đất của bà M1 thừa ra 36m² so với diện tích đất bà M1 nhận chuyển nhượng. Nay bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu gia đình bà Mai phải trả lại diện tích 41m² đất và tháo dỡ công trình để trả lại nguyên trạng thửa đất, bà là đại diện theo ủy quyền của bà Mai và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì gia đình bà Mai sử dụng thửa đất nhận chuyển nhượng theo đúng mốc giới các chiều cạnh thể hiện tại sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 5/5/2003 do địa chính phường Đo vẽ, hộ gia đình ông B và các hộ giáp ranh ký xác nhận, gia đình bà Mai không lấn chiếm đất của gia đình bà S, ông B. Về diện tích đất thực tế hiện nay lớn hơn so với khi chuyển nhượng là do khi chuyển nhượng có cho nhau một phần diện tích đất (hẻm sâu) để đi ra đường ngõ chỉ áng khoảng chứ không đo đạc cụ thể, mặt khác việc đo đạc bằng tay nên tính toán không chính xác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B, anh H, chị H, chị H1, chị M đều thống nhất với lời trình bày của bà S và người đại diện theo ủy quyền là chị Dương Thị Ánh H và đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà S yêu cầu bà M1 phải trả lại 41m² đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông B xác nhận khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình bà M1 ông là người trực tiếp chỉ mốc giới cho địa chính đo đạc, lập sơ đồ hiện trạng thửa đất chuyển nhượng, ông và các hộ giáp ranh ký xác nhận. Sau đó hai bên gia đình ở ổn định không có tranh chấp gì với nhau về mốc giới. Phần diện tích đất ông chuyển nhượng cho gia đình bà M1 cao hơn phần diện tích đất của gia đình ông. Gia đình ông không biết gia đình bà M1 lấn chiếm đất của gia

đình ông từ thời gian nào. Đến nay sau khi đo đạc lại diện tích đất của gia đình bà M1 thì thấy thừa so với khi nhận chuyển nhượng nên ông yêu cầu gia đình bà M1 phải trả lại diện tích đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị M, chị L, anh C, chị M, anh T đều thống nhất trình bày: Các anh, chị đều là con của bà M1, hiện nay các anh, chị đã xây dựng gia đình và ra ở riêng, chỉ có vợ chồng anh C, chị M và chị H đang ở trên đất cùng với bà M1, chị H bị chất độc da cam, hiện nay bà M1 đang phải chăm sóc. Năm 2003 bà M1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông B, bà S, khi hai bên chuyển nhượng, địa chính phường Đ đến đo đạc xác định mốc giới và lập sơ đồ thửa đất, các hộ xung quanh ký xác nhận. Gia đình bà M1 sử dụng diện tích đất theo mốc giới từ năm 2003 đến năm 2018 thì bà M1 xây lại nhà trên nền móng cũ của gia đình. Nay gia đình bà S yêu cầu gia đình bà M1 phải trả lại diện tích đất thực tế tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không nhất trí vì bà M1 không lấn chiếm đất của gia đình bà S, ông B.

Tại phiên tòa anh C xác nhận gia đình bà M1 ở ổn định theo mốc giới khi nhận chuyển nhượng của gia đình ông B từ năm 2003, đến năm 2018 khi bà M1 đào móng nhà có mời ông B sang xác định mốc giới gia đình xây trên nền móng cũ của gia đình, ông B có sang nhưng không có ý kiến gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H có quan điểm bảo vệ như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 247, các Điều từ 183 - 187 Bộ luật dân sự năm 1995; luật đất đai sửa đổi bổ sung năm 2001. Buộc gia đình bà Trần Thị M1 phải trả lại cho gia đình bà Phùng Thị S 41m² đất và buộc gia đình bà M1 phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại nguyên hiện trạng thửa đất.

Tại bản án sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 33/2018/QĐ-SCBSBA ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 36 của Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2001; Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị S kiện đòi bà Trần Thị M1 phải trả lại 41m² đất ở và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc, thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2018 và ngày 06/12/2018 bà Phùng Thị S là nguyên đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo. Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn sửa đổi nội dung kháng cáo là: Không đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm mà đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc gia đình bà M1 phải trả lại cho gia đình bà S 41m² đất và yêu cầu gia đình bà M1 phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại nguyên hiện trạng thửa đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Phùng Thị S trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Phùng Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 705 m² đất, tại thửa số 10, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Thị trấn T, huyện Tam Đảo (nay là tổ dân phố Đông Quý, phường Đ). Tháng 7/2003 ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng 110m² đất cho bà Trần Thị M1. Hộ gia đình ông B sau khi chuyển nhượng cho gia đình bà Mai còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 595 m² (705m² – 110m²). Qua xác minh, thu thập

chứng cứ tại địa phương được cung cấp, tại bản đồ 299 và sổ địa chính thì diện tích đất của hộ gia đình ông B là 705m², tại thửa số 10, tờ bản đồ số 13. Tại sổ mục kê đất và hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc năm 2003 thì diện tích của hộ gia đình ông B là 669,3m², diện tích hộ gia đình bà Mai là 152,5m². Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất hộ gia đình ông B là 660,7m²; diện tích đất của hộ gia đình bà Mai là 162,3m² (nếu tính cả 11m² nằm phía ngoài tường bao loan hộ bà Mai giáp đường ngõ), còn nếu không tính 11m² nằm phía ngoài tường bao loan hộ bà Mai giáp đường ngõ thì diện tích đất của hộ gia đình bà Mai là 151,3m². Hộ gia đình bà S cho rằng bị gia đình bà Mai lấn chiếm đất, nhưng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2019 thì diện tích đất của hộ gia đình bà S, ông B tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 65,7m², diện tích đất của hộ gia đình bà Mai tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 52,3m² nếu tính cả 11m² nằm phía ngoài tường bao loan, (nếu không tính 11m² nằm phía ngoài tường bao loan thì tăng 41,3m²). Việc tăng diện tích đất của hai hộ gia đình so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do trước kia đo đạc bằng tay, tính toán bằng phương pháp thủ công nên số liệu tính toán không chính xác.

Về mốc giới gia đình bà Mai sử dụng ổn định theo mốc giới từ khi nhận chuyển nhượng 15 năm nay, hai bên gia đình không có tranh chấp gì với nhau. Qua xem xét, thẩm định thì tường hậu nhà bà Mai xây hết đất và giáp với đất hộ bà S. Tại một đầu của tường hậu (phía tiếp giáp nhà ông Hà), bà Mai vẫn giữ lại một đoạn tường bếp cũ xây năm 2007 dài 0,52m, cao 3 hàng gạch chỉ. Tường hậu nhà bà Mai xây năm 2018 xây nối với đoạn tường bếp cũ còn lại và nối tiếp với tường hậu nhà ông Hà, không xây lấn sang đất của hộ bà S. Đoạn tường bếp cũ này chính ông B và anh Thắng (con rể ông B) xây dựng và không có tranh chấp khi xây. Như vậy, việc năm 2018 gia đình bà Mai xây lại nhà đứng trên phần đất của nền móng cũ đã dỡ.

Tại Điều 175 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

...

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.”

Thực tế ranh giới đất giữa hai hộ bà S và bà Mai được xác lập khi hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được cán bộ địa chính đo vẽ và được ông B cùng các hộ xung quanh ký xác nhận tại Biên bản đo hiện trạng ngày 05/5/2003 của hộ ông B, bà S. Căn cứ vào ranh giới hai bên xác lập và mốc giới

là tường xây từ năm 2003 thì đến nay không có thay đổi gì về mốc giới giữa hai hộ.

Theo Biên bản đo hiện trạng ngày 05/5/2003 của hộ ông B, bà S do cán bộ địa chính phường Đo (có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn B) thì chiều dài thửa đất phía Nam của hộ ông B, bà S là 38m; chiều dài phía Bắc giáp hộ ông Lợi là $15\text{m} + 14\text{m} + 6\text{m} = 35\text{m}$. Tại sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/5/2019 thì chiều dài thửa đất phía Nam của hộ bà S là $25,33\text{m} + 12,27\text{m} + 0,77\text{m} = 38,37\text{m}$; chiều dài phía Bắc giáp hộ ông Lợi, ông Lâm là $19,23\text{m} + 15,70\text{m} + 3,55\text{m} + 0,92\text{m} = 39,40\text{m}$. Nếu hộ bà Mai lấn sang đất của hộ bà S thì chiều dài thửa đất phía Nam và phía Bắc hộ bà S mới thăm định phải bị ngắn hơn so với chiều dài theo Biên bản đo hiện trạng ngày 05/5/2003 nhưng thực tế lại dài hơn, như vậy không có cơ sở để xác định hộ bà Mai lấn đất sang hộ bà S.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bên nguyên đơn không đưa ra được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chỉ ra được hộ bà S lấn chiếm đất ở vị trí nào, vì vậy bà Phùng Thị S khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà Trần Thị M1 phải trả lại 41m^2 đất ở và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tranh chấp phát sinh năm 2018 nên phải căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án mới chính xác. Việc Tòa án cấp sơ thẩm Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2001 để giải quyết vụ án là chưa chính xác. Nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại và căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật đất đai 2013 để giải quyết vụ án cho đúng qui định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phùng Thị S phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số

31/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 33/2018/QĐ-SCBSBA ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Căn cứ các Điều 163, 164, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị S kiện đòi bà Trần Thị M1 phải trả lại 41m² đất và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tại tổ dân phố Đông Quý, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phùng Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0003697 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà Phùng Thị S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành